

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ TÀI CHÍNH

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019

### THÔNG TƯ

**Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2021 - 2025.*

## **Chương I**

### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

#### **Điều 1. Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2019**

1. Các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Hội đồng nhân dân về ngân sách nhà nước (NSNN):

a) Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững (Nghị quyết số 07-NQ/TW);

b) Các Nghị quyết của Quốc hội: số 142/2016/QH13 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 (Nghị quyết số 142/2016/QH13), số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 về kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (Nghị quyết số 25/2016/QH14), số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (Nghị quyết số 26/2016/QH14), số 71/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (Nghị quyết số 71/2018/QH14), số 70/2018/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2018 về dự toán NSNN năm 2019 và số 73/2018/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2018 về phân bổ ngân sách Trung ương (NSTW) năm 2019;

c) Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và dự toán ngân sách địa phương (NSĐP), phân bổ NSĐP năm 2019.

2. Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp về giao dự toán NSNN, dự toán kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn NSNN, nguồn được để lại đầu tư chưa đưa vào cân đối, gồm:

a) Quyết định số 76/QĐ-TTg, Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 giao dự toán NSNN năm 2019, Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2018 giao kế hoạch vốn đầu tư NSNN năm 2019; các quyết định bổ sung ngân sách trong quá trình điều hành NSNN năm 2019.

b) Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, giao kế hoạch trung hạn đối với các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

c) Các Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về dự toán NSDP và phân bổ NSDP năm 2019, về giao kế hoạch đầu tư công nguồn NSDP, bổ sung ngân sách trong quá trình điều hành NSDP.

3. Các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền có liên quan đến NSNN năm 2019, gồm:

a) Các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019 (Nghị quyết số 01/NQ-CP), số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 (Nghị quyết số 02/NQ-CP) và các Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ hàng tháng;

b) Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017 - 2020 (Quyết định số 579/QĐ-TTg);

c) Các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 31/CT-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về NSNN; số 09/CT-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 và số 07/CT-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (Nghị quyết số 35-NQ/CP);

d) Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân, Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSDP năm 2019;

đ) Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2019.

4. Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 03 năm 2016 - 2018; 6 tháng đầu năm 2019 và dự báo, giải pháp phấn đấu hoàn thành dự toán NSNN năm 2019 đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng có liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN.

## **Điều 2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN**

### **1. Nguyên tắc đánh giá**

Thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí; không hạch toán vào NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện.

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng cuối năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2019 đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

### **2. Nội dung đánh giá**

a) Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2019, chú ý làm rõ:

- Thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; khả năng triển khai các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường;

- Tác động của biến động giá dầu thô, giá hàng hóa nông sản trên thị trường thế giới và trong nước, tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, việc triển khai Nghị quyết số 35-NQ/CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử, Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát

triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025, các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

b) Đánh giá tình hình triển khai các quy định về điều chỉnh chính sách thu, trong đó bao gồm:

- Điều chỉnh biểu thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) theo lộ trình đối với sản phẩm thuốc lá, bia, rượu theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế;

- Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 về lệ phí trước bạ;

- Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Việc cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình cam kết của các hiệp định thương mại;

- Sắp xếp lại, xử lý tài sản công và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (Nghị định số 167/2017/NĐ-CP);

- Các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019.

c) Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế:

- Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018; việc triển khai báo cáo Quốc hội phương án xử lý nợ đọng thuế theo Nghị quyết số 55/2017/QH14